

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 122/2024/HS-ST

Ngày 08 - 8 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và ông Lê Chí Trung.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Chính - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 105/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2024, đối với các bị cáo:

1/ Trịnh Văn P, sinh năm 1982 tại Hà Nam; nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn Ph và bà Trịnh Thị T (đều đã chết); vợ Nguyễn Thị Q; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án: Ngày 15/8/2017, Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/10/2018. Ngày 22/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/9/2022; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/01/2001, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, thời hạn 24 tháng. Ngày 23/01/2014, Công an thành phố Phủ Lý ra Quyết định xử phạt hành chính, phạt 1.500.000đ về hành vi đánh bạc; bị tạm giữ từ ngày 11/4/2024 đến ngày 20/4/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình trong vụ án “Trộm cắp tài sản”; có mặt.

2/ Nguyễn Văn T, sinh năm 1995 tại Hà Nam; nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Phạm Thị P; vợ Trần Thị Ngọc L; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 11/4/2024 đến ngày 20/4/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

+ Anh Trần Văn H, sinh năm 1991; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1989; vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn 2, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

+ Anh Trịnh Văn P, sinh năm 1982; trú tại: Thôn 2, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình; có mặt.

+ Chị Phạm Thị Mai T, sinh năm 1982; trú tại: Thôn 3, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 05/7/2023 đến ngày 04/4/2024, tại thôn 2, xã Đ, thành phố P, Trịnh Văn P và Nguyễn Văn T cho anh Trần Văn H và anh Nguyễn Văn S vay tiền với lãi suất cao, cụ thể như sau:

1/ Đối với anh Trần Văn H, Trịnh Văn P cho vay tiền và tính lãi như sau:

Ngày 05/7/2023, Trịnh Văn P cho anh Trần Văn H vay số tiền 100.000.000 đồng, với lãi suất 6.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; hai bên thỏa thuận một tháng trả tiền lãi một lần, thời gian tính lãi từ ngày 05 tháng này đến ngày 04 tháng sau. P sử dụng tài khoản Ngân hàng Agribank số 2905205447695 chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 0901000100565 của anh H. Do anh H không trả được tiền lãi nên ngày 05/9/2023 P yêu cầu anh H trả 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ ngày 05/7/2023 đến 04/9/2023 là 36.000.000 đồng. Anh H và P thỏa thuận, anh H trả trước cho P 100.000.000 đồng tiền gốc, còn tiền lãi 36.000.000 đồng trả sau, P không tính lãi kể từ ngày 05/9/2023. Ngày 09/9/2023, anh H sử dụng tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0901000100565 chuyển 80.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng MBBank số 8888201068688 của P; ngày 11/9/2023, chị Nguyễn Thị Hồng P (là vợ anh H) sử dụng tài khoản ngân hàng Vietinbank số 104868623273 chuyển 20.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng MBBank số 8888201068688 của P. Anh H đã trả cho P toàn bộ số tiền gốc và còn nợ P 36.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó, đến khoảng tháng 3/2024 thì P và anh H thỏa thuận anh H chỉ phải trả 35.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 04/4/2024, anh H sử dụng tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 104868623273 của chị Nguyễn Thị Hồng P chuyển 35.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng VPBank số 732311111982 tên “Phạm Thị Mai T” theo yêu cầu của P để trả tiền lãi cho P.

Như vậy, Trịnh Văn P cho anh Trần Văn H vay 100.000.000 đồng từ ngày 05/7/2023 đến ngày 04/9/2023 (62 ngày), tiền lãi theo thỏa thuận là 35.000.000 đồng, P đã thu của anh H 35.000.000 đồng.

Tính lãi suất cho vay là $35.000.000 \text{ đồng} / 62 \text{ ngày} / 100.000.000 \text{ đồng} \times 365 \text{ ngày} \times 100\% = 206,05\% / \text{năm}$, gấp 10,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi cao nhất Phú được thu theo quy định trong Bộ luật dân sự là $100.000.000 \text{ đồng} \times 60 \text{ ngày} \times 20\% / 365 \text{ ngày} = 3.397.260 \text{ đồng}$; số tiền P thu lợi bất chính là $35.000.000 \text{ đồng} - 3.397.260 \text{ đồng} = 31.602.740 \text{ đồng}$.

2/ Đối với anh Nguyễn Văn S, Trịnh Văn P cho vay tiền và tính lãi như sau:

Ngày 13/7/2023, Trịnh Văn P cho anh Nguyễn Văn S vay số tiền 90.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương ứng với 9.000.000 đồng/90.000.000 đồng/30 ngày), hai bên thỏa thuận một tháng thu tiền lãi một lần, thời gian tính lãi từ ngày 13 tháng này đến ngày 12 tháng sau. P sử dụng tài khoản Ngân hàng Agribank số 2905205447695 chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng MBBank số 0509389518888 của anh S, còn 30.000.000 đồng P đưa tiền mặt cho anh S và P nói “Mười triệu tính lãi”, cả hai hiểu ý là P thu trước tiền lãi vay 01 tháng từ ngày 13/7/2023 đến 12/8/2023 là 10.000.000 đồng; anh S đồng ý và cầm tiền đi về. Ngày 13/8/2023, anh S trả P 8.000.000 đồng tiền lãi vay từ 13/8/2023 đến 12/9/2023 (do tháng trước P đã thu thừa 1.000.000 đồng nên tháng này anh S trả 8.000.000đ). Ngày 13/9/2023, anh S trả P 9.000.000 đồng tiền lãi vay thời gian từ ngày 13/9/2023 đến 12/10/2023. Đến tháng 11/2023, anh S không có khả năng trả tiền lãi cho P nữa nên thỏa thuận với P không tính lãi khoản vay từ ngày 13/10/2023 và anh S xin trả dần tiền gốc, P đồng ý. Đến ngày 22/11/2023, anh S sử dụng tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 0901000127585 chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng MBBank số 8888201068688 của P; sau đó vài ngày anh S đến gặp P trả 30.000.000 đồng. Đến ngày 14/12/2023, anh S sử dụng tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 0901000127585 chuyển 10.000.000 đồng vào tài khoản MBBank số 8888201068688 của P để thanh toán nốt tiền gốc khoản vay.

Như vậy, Trịnh Văn P cho anh Nguyễn Văn S vay 90.000.000 đồng trong 90 ngày, tiền lãi P đã thu của anh S là 27.000.000 đồng.

Tính lãi suất cho vay là $27.000.000 \text{ đồng} / 90 \text{ ngày} / 90.000.000 \text{ đồng} \times 365 \text{ ngày} \times 100\% = 121,67\%/\text{năm}$, gấp 6,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi cao nhất P được thu theo quy định trong Bộ luật dân sự là $90.000.000 \text{ đồng} \times 90 \text{ ngày} \times 20\% / 365 \text{ ngày} = 4.438.356 \text{ đồng}$; số tiền P thu lợi bất chính là $27.000.000 \text{ đồng} - 4.438.356 \text{ đồng} = 22.561.644 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền Trịnh Văn P thu lợi bất chính của anh Trần Văn H và anh Nguyễn Văn S là $31.602.740 \text{ đồng} + 22.561.644 \text{ đồng} = 54.164.384 \text{ đồng}$.

* Quá trình điều tra xác định, Nguyễn Văn T cho Trịnh Văn P vay tiền và tính lãi cao, cụ thể như sau:

- Khoản thứ nhất: Ngày 20/11/2023, Nguyễn Văn T cho Trịnh Văn P vay 100.000.000 đồng, T đưa cho P bằng tiền mặt. Hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 10.000.000 đồng/100.000.000 đồng/01 tháng, 1 tháng tính 30 ngày từ ngày 20 tháng này đến ngày 19 tháng sau, trả tiền lãi vào ngày 20 hàng tháng. Vào các ngày 20/12/2023, 20/01/2024, 21/02/2024, 26/3/2024, P đã trả tiền lãi cho T, mỗi lần trả 10.000.000 đồng, tổng cộng là 40.000.000 đồng bằng tiền mặt và chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng MBBank số 8888201068688 của P chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng BIDV số 4827797999 của Nguyễn Văn T.

Như vậy, Nguyễn Văn T cho Trịnh Văn P vay 100.000.000 đồng trong 140 ngày (từ ngày 20/11/2023 đến ngày 08/4/2024), tiền lãi theo thỏa thuận là 46.666.667 đồng. Tính lãi suất cho vay là $46.666.667 \text{ đồng} / 140 \text{ ngày} / 100.000.000 \text{ đồng} \times 365 \text{ ngày} \times 100\% = 121,67\%/\text{năm}$, gấp 6,1 lần mức lãi suất cao nhất quy

định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi cao nhất T được thu theo quy định trong Bộ luật dân sự là $100.000.000 \text{ đồng} \times 140 \text{ ngày} \times 20\%/365 \text{ ngày} = 7.671.233 \text{ đồng}$; T thu lợi bất chính số tiền $46.666.667 \text{ đồng} - 7.671.233 \text{ đồng} = 38.995.434 \text{ đồng}$.

- Khoản thứ hai: Ngày 14/12/2023, Nguyễn Văn T cho Trịnh Văn P vay 100.000.000 đồng, T chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng BIDV số 4827797999 của T đến tài khoản Ngân hàng MBBank số 8888201068688 của P. Hai bên thỏa thuận lãi suất 10.000.000 đồng/100.000.000 đồng/1 tháng, 01 tháng tính 30 ngày từ ngày 14 tháng này đến ngày 13 tháng sau, việc trả tiền lãi vào ngày 14 hàng tháng. Vào các ngày 14/01/2024, 17/02/2024, 16/3/2024, P đã chuyển khoản trả tiền lãi cho T, mỗi lần 10.000.000 đồng, tổng số là 30.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng MBBank số 8888201068688 của P đến tài khoản Ngân hàng BIDV số 4827797999 của T.

Như vậy, từ ngày 14/12/2023 đến ngày 08/4/2024 (117 ngày), Trịnh Văn P phải trả cho Nguyễn Văn T tiền lãi là 39.000.000 đồng; tiền lãi T được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.410.959 đồng, T thu lợi bất chính số tiền là $39.000.000 \text{ đồng} - 6.410.959 \text{ đồng} = 32.589.041 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền Nguyễn Văn T thu lợi bất chính của Trịnh Văn P là $38.995.434 \text{ đồng} + 32.589.041 \text{ đồng} = 71.584.475 \text{ đồng}$.

* Vật chứng, đồ vật, tài liệu thu giữ gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note20 Ultra 5G, màu vàng, số Imei 356903442236902, lắp sim thuê bao 035.38.38.199, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A12, màu đen, số Imei 354813607465752, lắp một sim thuê bao 0969.905.740, một sim thuê bao 0971.258.968, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone X, màu trắng, số Imei 356725081502876, lắp sim thuê bao 096.87.57.266, đã qua sử dụng.

- Số tiền 35.000.000 đồng do chị Phạm Thị Mai T giao nộp.

* Tại bản cáo trạng số 109/CT-VKS-PL ngày 26/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Lý đã truy tố Trịnh Văn P và Nguyễn Văn T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Lý giữ nguyên quan điểm truy tố Trịnh Văn P và Nguyễn Văn T như đã nêu trong bản cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX):

+ Tuyên bố các bị cáo Trịnh Văn P, Nguyễn Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 50 (đối với các bị cáo); điểm b khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 (đối với bị cáo P); điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với bị cáo T) của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn P từ 170.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 150.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note20 Ultra 5G, màu vàng, số Imei 356903442236902, lắp sim thuê bao 035.38.38.199; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A12, màu đen, số Imei 354813607465752, lắp một sim thuê bao 0969.905.740, một sim thuê bao 0971.258.968, đều đã qua sử dụng và số tiền 3.397.260 đồng.

Truy thu sung Ngân sách Nhà nước của Nguyễn Văn T số tiền 14.082.192 đồng.

Truy thu sung Ngân sách Nhà nước của Trịnh Văn P số tiền 394.438.356 đồng (trong đó tiền gốc là 390.000.000 đồng, tiền lãi thu của anh S theo quy định là 4.438.356 đồng).

Buộc bị cáo T phải trả cho Trịnh Văn P số tiền thu lợi bất chính là 55.917.808 đồng.

+ Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì. Lời nói sau cùng tại phiên tòa đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Trịnh Văn P có quan điểm: Từ ngày 20/11/2023 đến ngày 08/4/2024, anh có vay của Nguyễn Văn T 02 lần tiền với tổng số tiền là 200.000.000 đồng, lãi suất 10.000.000 đồng/100.000.000 đồng/01 tháng. Anh đã trả cho T tổng số tiền lãi là 70.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu bị cáo T phải trả cho anh số tiền đã thu lợi bất chính của anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai và quan điểm của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên HĐXX tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Trịnh Văn P và bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện hành vi phạm tội độc lập nhau.

[4] Về tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã nêu. Lời khai của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản làm việc về nội dung kiểm tra khai thác dữ liệu điện thoại; biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử; bản sao kê tài khoản của Ngân hàng Vietcombank, văn bản cung cấp thông tin của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ của vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 05/7/2023 đến ngày 04/4/2024, tại thôn 2, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam, Trịnh Văn P đã cho anh Trần Văn H và anh Nguyễn Văn S vay tổng số tiền là 190.000.000 đồng và tính lãi suất từ 121,67%/năm đến 206,05%/năm (gấp 6,1 lần đến 10,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự). Anh H đã trả cho P tổng số tiền lãi là 35.000.000 đồng, trong đó tiền lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà P được phép thu là 3.397.260 đồng, P thu lợi bất chính của anh H số tiền 31.602.740 đồng; Anh S đã trả cho P tổng số tiền lãi là 27.000.000 đồng, trong đó tiền lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà P được phép thu là 4.438.356 đồng, P thu lợi bất chính của anh S số tiền 22.561.644 đồng; tổng số tiền P thu lợi bất chính của anh H và anh S là 54.164.384 đồng. Ngoài ra, từ ngày 20/11/2023 đến ngày 08/4/2024 tại thôn 2, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam Nguyễn Văn T đã cho Trịnh Văn P vay 2 lần tổng số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất là 121,67%/năm (gấp 6,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự); số tiền lãi P phải trả cho T là 85.666.667 đồng, trong đó tiền lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà T được phép thu là 14.082.192 đồng, T thu lợi bất chính của P số tiền 71.584.475 đồng. Hành vi của các bị cáo Trịnh Văn P, Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý truy tố đối với Trịnh Văn Phú và Nguyễn Văn Thiện là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo Trịnh Văn P đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính và 02 lần bị Tòa án xử phạt tù. Bị cáo Nguyễn Văn T nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo P đã bồi thường khắc phục hậu quả nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Đối với bị cáo P, ngày 22/10/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết tăng nặng là “Tái phạm”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/9/2022, chưa được xóa án

tích, nay lại phạm tội với lỗi cố ý, do đó bị cáo P phải chịu tình tiết tăng nặng là “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo T, 02 lần cho P vay tiền, số tiền thu lợi bất chính cả 02 lần đều trên 30.000.000 đồng và chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi cho vay lãi suất cao là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện vì lợi nhuận bất chính thu được là rất cao (mức lãi suất gấp hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự). Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây thiệt hại về vật chất đối với người đi vay do phải trả một khoản lãi cao hơn so với quy định, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội và là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội khác, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, việc xét xử nghiêm minh hành vi phạm tội này là cần thiết, với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện. Cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo nhằm dẫn dắt, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong cộng đồng.

- Về hình phạt bổ sung: Do HĐXX áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note20 Ultra 5G, màu vàng, số Imei 356903442236902, lắp sim thuê bao 035.38.38.199 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A12, màu đen, số Imei 354813607465752, lắp một sim thuê bao 0969.905.740, một sim thuê bao 0971.258.968, đều đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của Trịnh Văn P sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone X, màu trắng, số Imei 356725081502876, lắp sim thuê bao 096.87.57.266, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Lã Xuân Đ, không liên quan đến vụ án nên cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phú Lý đã trả lại cho anh Đ.

Đối với số tiền 3.397.260 đồng cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phú Lý đã thu giữ là tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật mà bị cáo P được phép thu của anh H nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 4.438.365 đồng là tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật mà bị cáo P được phép thu của anh S nên cần truy thu của P số tiền này sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 14.082.192 đồng là tiền lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật mà bị cáo T được phép thu của P nên cần truy thu của T số tiền này sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền mà bị cáo Trịnh Văn P thu lợi bất chính của anh Trần Văn H và anh Nguyễn Văn S. Anh H, anh S đã được nhận lại và không có yêu cầu đề nghị gì khác nên không xem xét.

Đối với số tiền mà bị cáo Nguyễn Văn T thu lợi bất chính của Trịnh Văn P. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, mặc dù các bị cáo thống nhất với nhau tổng số tiền lãi của cả 2 khoản vay mà P phải trả T là 71.584.475 đồng, nhưng trên thực tế thì P mới chỉ trả cho T tổng tiền lãi là 70.000.000 đồng, do đó đối trừ số tiền mà bị cáo T được phép thu của P theo quy định là 14.082.192 đồng thì bị cáo T thu lợi bất chính của P số tiền là 55.917.808 đồng, nên cần buộc bị cáo T phải trả cho P số tiền này.

Đối với số tiền 390.000.000 đồng (trong đó 190.000.000đ là tiền của bị cáo P sử dụng cho anh H, anh S vay và 200.000.000 đồng là tiền P vay của bị cáo T nhưng chưa trả), các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần truy thu của bị cáo P số tiền này sung Ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 35, 47, 50 (đối với các bị cáo); điểm b khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 (đối với bị cáo Phú); điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với bị cáo Thiện) của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Điều 106, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Văn P và Nguyễn Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2/ Xử phạt:

- Bị cáo Trịnh Văn P số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

3/ Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note20 Ultra 5G, màu vàng, số Imei 356903442236902, lắp sim thuê bao 035.38.38.199; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A12, màu đen, số Imei 354813607465752, lắp một sim thuê bao 0969.905.740, một sim thuê bao 0971.258.968, đều đã qua sử dụng và số tiền 3.397.260đ (ba triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 08/7/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phủ Lý với

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý và Ủy nhiệm chi số 29 ngày 12/7/2024).

Truy thu sung Ngân sách Nhà nước của bị cáo Trịnh Văn P số tiền 394.438.365đ, làm tròn thành 394.438.400đ (ba trăm chín mươi tư triệu bốn trăm ba tám nghìn bốn trăm đồng).

Truy thu sung Ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 14.082.192đ làm tròn thành 14.082.000đ (mười bốn triệu không trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải trả cho Trịnh Văn P số tiền 55.917.808đ, làm tròn thành 55.918.000đ (năm mươi lăm triệu chín trăm mười tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Trịnh Văn P và Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Trịnh Văn P có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ CSĐT CA tỉnh Hà Nam;
- CQ THAHS có thẩm quyền;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Bị cáo;
- Người có QL,NVLQĐVA;
- Lưu HSVA; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Kim Ngân